TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2018/HS-ST
Ngày: 17-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 302/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Trần Hữu H, sinh năm 1977 tại tỉnh Nam Định; thường trú: 3/145 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; tạm trú: 218/2/5B, tổ 47, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Hữu S, sinh năm 1940 và bà Dương Thị G (đã chết); có 02 chị, lớn sinh năm 1970, nhỏ sinh năm 1974; có vợ tên Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; con sinh năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04/7/2018, bị Ủy ban nhân dân phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam từ ngày 05/7/2018 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Giang; thường trú: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: 274/10A đường T, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946 và bà Đặng Thị G, sinh năm 1957; có 02 anh em, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1987; tiền án: Ngày 22/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2016; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05/7/2018 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trương Công V, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện K, tỉnh Đăklăk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Thùy D1, sinh năm 1980; địa chỉ: 274/1DA Phường 13, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Anh Võ Công D2, sinh năm 1984; địa chỉ: 61/15 Cách Mạng, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Khối 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đăklăk, vắng mặt.

2. Anh Lương Minh T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Hữu H và Nguyễn Văn T là bạn bè quen biết với nhau. Do không có tiền tiêu xài nên H rủ T đi trộm cắp điện thoại di động bán để lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý.

Vào khoảng 21 giờ ngày 04/7/2018, H dùng số điện thoại 01699035464 gọi qua số điện thoại 0937118366 của T để rủ T đi trộm cắp tài sản. T điều khiển xe mô tô Exciter biển số 59D2-563.25 chở H đi đến quán cà phê (không rõ biển hiệu, địa chỉ) tại ngã tư A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để uống cà phê. Tại đây, H nói với T "mày ngủ đi, sáng mai đi sớm, khi nào đi tao gọi". Đến khoảng 03 giờ ngày 05/7/2018 H gọi T dậy và điều khiển xe mô tô Exciter biển số 59D2-563.25 chở H đi đến đường Mỹ Phước – Tân Vạn thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương tìm các xe đậu ven đường không có người trông coi để trộm cắp điện thoại di động. Khi T và H đi đến đường số 26, khu công nghiệp S thì nhìn thấy xe Container biển số 47C-169.70 đang dừng bên lề đường để chuyển hàng lên thùng xe nên H nói T dừng xe bên cạnh Container để H trèo lên cabin tìm tài sản. H phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng của anh Trương Công V đang để gần cần số và vị trí nằm ngủ nên H dùng tay trái lấy chiếc điện thoại rồi xuống xe. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, H nói cho T biết và lên xe để T chở đi. Trên đường đi H tháo sim điện thoại vứt bỏ, còn điện thoại cất giấu vào bịch nilon treo trước baga xe mô tô. Đến 08 giờ cùng ngày khi công an Đồn khu công nghiệp tuần tra đường số 10 khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương phát hiện T và H có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện 05 điện thoại di động được bỏ trong bịch nilon treo trước baga xe mô tô biển số 59D2-563.25. T và H khai nhận các điện thoại trên là do trộm cắp nên Công an đồn khu công nghiệp lập biên bản đầu thú và chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D.

Quá trình điều tra xác định, cùng ngày H và T còn chiếm đoạt thêm 04 chiếc điện thoại di động trên địa bàn thị xã T và thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D đã chuyển vật chứng và thông báo

cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T và Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T biết để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng, imeil 1: 35898807365515 và imeil 2: 358989073635510; xe mô tô Exciter biển số 59D2-563.25 màu đen xám bạc; 01 cuộn băng keo 2 mặt màu trắng; 01 cây đèn pin dài 10cm màu xanh Police USA 622 mode Thái Lan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 màu xanh số imeil 86127603618341, sim số 01699035464 thu giữ của H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen mode RM 1136, số imeil 35183507068, sim số 0937118366 thu giữ của T.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 221/BB.ĐG ngày 17/7/2018 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An kết luận điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng trị giá 2.800.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 305/CT-VKS-DA ngày 25 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Hữu H và bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Trần Hữu H từ 07 đến 10 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 đến 10 tháng tù về đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu H và Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 05/7/2018, tại đoạn đường số 26, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương Nguyễn Văn T và Trần Hữu H có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng của anh Trương Công V đang để gần cần số và vị trí nằm ngủ phía sau cabin xe Container biển số 47C-169.70. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, trên đường đi H tháo sim điện thoại vứt bỏ và cất

giấu điện thoại vào bịch nilon treo trước baga xe mô tô biển số 59D2-563.25. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày khi công an đồn khu công nghiệp tuần tra trên đường số 10 khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính, các bị cáo khai nhận nên cơ quan công an lập biên bản phạm tội và biên bản đầu thú đối với hai bị cáo. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng có trị giá 2.800.000 đồng.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Hữu H đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do đó Cáo trạng số: 305/CT-VKS-DA ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Hữu H là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo T có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số: 21/2016/HSST ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù, bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2016, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới, thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Bị cáo H có nhân thân xấu, ngày 01/10/2000 bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 30 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 30/4/2002; ngày 30/6/2008 bị

Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành hình phạt tù ngày 08/3/2009; ngày 04/7/2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[7] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê; bị cáo T có vai trò giúp sức cho cảnh giới và chở bị cáo H đi tìm tài sản chiếm đoạt nên vai trò của cáo H cao hơn bị cáo T.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A3 2016 màu vàng, imei 1: 35898807365515 và imei 2: 358989073635510; xe mô tô Exciter biển số 59D2-563.25 màu đen xám bạc đã được thu hồi và trả lại cho bị hại anh Trương Công V. Anh V không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 màu xanh, số imei 861276036118341 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen mode RM 1136, số imei 35183507068 là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tuyên tịch thu vào ngân sách nhà nước.

Đối với sim số 01699035464, 0937118366 và 01 cuộn băng keo 2 mặt màu trắng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 59D2-563.25 màu đen xám bạc qua xác minh là của chị Lê Thị Thùy D1. Chị D1 cho Tú mượn xe để đi công việc không biết T sử dụng vào việc phạm tội và 01 đèn pin hiệu Police USA 622 màu xanh, dài 10cm là tư vật của bị cáo Trần Hữu H nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo và vấn đề xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Hữu H phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips E105 màu xanh, số imei 861276036118341 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen mode RM 1136, số imei 35183507068.

Tịch thu tiêu hủy sim số 01699035464 và số 0937118366 và 01 cuộn băng keo 2 mặt màu trắng .

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/9/2018).

3. Án phí sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Hữu H và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, ngườ có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngà